

Bản án số 77/2026/HSST

Ngày 18/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- NINH BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Sỹ

Bà Phùng Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4-tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Trương Minh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2026/HSST ngày 09 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2026/QĐXXST-HS ngày 04/5/2026 đối với bị cáo:

Lê Văn L, sinh ngày: 18/7/1974. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam . Nơi sinh: tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: thôn H, xã H, tỉnh Thanh Hóa. Số căn cước công dân: 0380740293xx cấp ngày 12/8/2021. Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 7/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Lê Văn L1 và bà Lê Thị T; Vợ: Lê Thị M. Con: có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: không

Về nhân thân:

- Ngày 20/6/1997 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Vi phạm các quy định về an toàn giao thông vận tải” tại Bản án số 108. Buộc bồi thường cho đại diện hợp pháp người bị hại số tiền 10.000.000 đồng; buộc nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. L đã thi hành xong nên được xóa án tích.

- Ngày 17/11/2009 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xử phạt “Cảnh cáo”, phạt tiền bổ sung 1.000.000 đồng và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 67/2009/HSST. Bản án bị Viện kiểm sát nhân

dân tỉnh Thanh Hóa kháng nghị phúc thẩm. Ngày 27/01/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 5.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”. Ngày 22/8/2016 L đã thi hành xong nên được xóa án tích.

- Ngày 29/9/2016 bị Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 7 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 72/2016/HSST. Ngày 04/6/2017 đã chấp hành xong nên được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/12/2025 đến ngày 23/12/2025 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 01 – Công an tỉnh N.

Người làm chứng:

- Anh Lê Văn L2, chị Lê Thị M: đều vắng mặt

Người chứng kiến:

- Ông Nguyễn Văn K, anh Phạm Duy N: đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn L là người sử dụng trái phép chất ma túy, loại Heroine đang được điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế theo Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 29/10/2025 của Chủ tịch UBND xã H, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 07/12/2025, khi đi uống rượu tại quán ăn (không nhớ tên, địa chỉ), L gặp 01 người đàn ông không quen biết. Trong quá trình nói chuyện, người này biết L nghiện ma túy nên đã cho L 01 gói ma túy, loại Heroine được bọc trong gói giấy (không nhớ đặc điểm cụ thể). Sau đó L mang gói ma túy về nhà mình tại thôn H, xã H, tỉnh Thanh Hóa. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, L mang gói ma túy trên vào nhà vệ sinh của gia đình. Tại đây L xé giấy bạc từ bao thuốc lá, đổ ma túy loại Heroine lên trên giấy bạc rồi dùng bật lửa hơi phía dưới để hít khói vào. Sau khi sử dụng ma túy xong, Lương bỏ toàn bộ vỏ bao gói và giấy bạc vào sọt rác nhà vệ sinh.

Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 14/12/2025, do tiếp tục có nhu cầu sử dụng ma túy nên L đi nhờ xe người đi đường không quen biết đến khu vực cầu Q thuộc xã K, tỉnh Ninh Bình. Đến nơi L xuống xe đi bộ thì thấy 01 người đàn ông không quen biết, đeo khẩu trang, đáng người gầy, khoảng 40 tuổi giống người nghiện ma túy đứng một mình ở ven đường. Thấy vậy L đến gần hỏi mua 500.000 đồng ma túy, loại Heroine thì người này đồng ý bán. Tiếp đó L đưa số tiền 500.000 đồng và nhận lại từ người này 01 gói ma túy, được gói ngoài bằng giấy màu trắng, có kẻ ô ly. Sau đó L cho vào túi quần trước bên phải rồi đi bộ để tìm nơi sử dụng. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, khi L đang đi bộ đến đoạn đường liên thôn Đ T, xã C, tỉnh Ninh Bình thì bị Công an xã C, tỉnh Ninh Bình kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: Thu giữ của L 01 gói nhỏ gói ngoài bằng giấy màu trắng, có kẻ ô li. Kiểm tra gói nhỏ thu giữ của L bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng, cân xác định khối lượng chất bột là 0,4117 gam, niêm phong ký hiệu M gửi trung cầu giám định. Đồng thời Cơ quan công an đã thu giữ mẫu nước tiểu của Lê Văn L, niêm phong ký hiệu T gửi trung cầu giám định.

Vật chứng không thu giữ được: Đối với 01 mảnh giấy bạc màu trắng, 01 vỏ gói ma túy và 01 bật lửa để L sử dụng ma túy vào ngày 07/12/2025 đã bị L bỏ đi. Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không tìm thấy.

Kết quả trung cầu giám định:

Tại Bản kết luận giám định số 2325/KL-KTHS ngày 21/12/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh N kết luận: “*Mẫu gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,4117 gam, là ma túy, loại Heroine (H). Heroine (H) có tên khoa học là D được quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và là chất ma túy được quy định tại Danh mục IA, số thứ tự 9, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ. Mẫu ký hiệu M còn lại có khối lượng 0,3333 gam, là ma túy, loại Heroine (H).*”

Tại Bản kết luận giám định số 2326/KL-KTHS ngày 21/12/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh N kết luận: “*Tìm thấy 6-Monoacetylmorphine trong mẫu nước tiểu thu giữ của Lê Văn L gửi giám định. 6-Monoacetylmorphine là sản phẩm chuyển hóa của H1 (H). Heroine (H) có tên khoa học là D được quy định tại Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và là chất ma túy được quy định tại Danh mục IA, số thứ tự thứ 9, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.*”

Quá trình điều tra, ngày 27/2/2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N có Công văn số 1315/CV-CSMT đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiếp nhận nguồn tin về tội phạm “Sử dụng trái phép chất ma túy” xảy ra ngày 07/12/2025 tại thôn H, xã H, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 04/3/2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T có Công văn số 2050/CSMT và ngày 05/3/2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Thanh Hóa có Công văn số 63/VKSKV4 trao đổi quan điểm xác định thẩm quyền điều tra đối với hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” của Lê Văn L thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N (là nơi phát hiện tội phạm ban đầu) theo Khoản 4 Điều 163 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử lý vật chứng: Vật chứng còn lại gồm: 01 phong bì niêm phong của Công an tỉnh N ghi chữ “Số 2325/KL-KTHS; mẫu vật hoàn trả sau giám định vụ Lê Văn L, SN 1974 xảy ra ngày 14/12/2025 tại xã C, tỉnh Ninh Bình” bên trong có M = 0,3333 gam ma túy, loại Heroine (H) và toàn bộ vỏ bao gói niêm phong; 01 phong bì niêm phong ghi chữ “Lưu kho vật chứng vụ tàng trữ trái phép chất ma túy xảy ra ngày 14/12/2025 tại thôn Đ T, xã C, tỉnh Ninh Bình” bên trong có 01 mảnh giấy màu trắng

có kẻ ô ly và vô phong bì niêm phong ban đầu được chuyển từ kho vật chứng của Công an tỉnh N đến Phòng thi hành án khu vực 4, tỉnh Ninh Bình tiếp tục quản lý để đảm bảo việc xét xử và thi hành án.

Tại bản Cáo trạng số 27/CT- VKSKV4 ngày 07/4/2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Ninh Bình đã truy tố bị cáo Lê Văn L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249 và tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 1 Điều 256a của Bộ luật hình sự (sửa đổi bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên rút phần đề nghị truy tố về hình phạt bổ sung, các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a khoản 1 Điều 256a ; Điều 38; Điều 55; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (sửa đổi bổ sung năm 2025) đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn L từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; đề nghị xử phạt từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù đối với tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành của cả hai tội là 05 năm 09 tháng đến 6 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 14/12/2025. Không áp dụng phạt tiền bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự (sửa đổi bổ sung năm 2025); các điểm a, c khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi bổ sung năm 2025) tịch thu tiêu hủy số ma túy được cơ quan giám định hoàn lại cùng toàn bộ vỏ bao gói niêm phong ban đầu. Về án phí HSST: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê Văn L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật là 200.000đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có tranh luận gì với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình, phù hợp với lời khai của người làm chứng; Biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ và niêm phong đồ vật tài liệu bị tạm giữ; biên bản mở niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 07/12/2025 tại khu vực nhà ở của mình tại thôn H, xã H, tỉnh Thanh Hóa, Lê Văn L là người đang điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc

thay thế (Theo Quyết định số 1380/QĐ_UBND ngày 29/10/2025 của Ủy ban nhân dân xã H) đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, loại Heroine bằng hình thức hít vào cơ thể.

Đến hồi 12 giờ ngày 14/12/2025 tại khu vực đường liên thôn Đ T, xã C, tỉnh Ninh Bình, L có hành vi cất giữ trái phép trong túi quần phía trước bên phải đang mặc trên người 0,4117 gam ma túy, loại Heroine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân thì bị Công an xã C, tỉnh Ninh Bình phát hiện, bắt quả tang thu giữ số ma túy nói trên.

“Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

.....c) Heroine, C, M1, A, Ketamine, F, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

2.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

“Điều 256a. Tội sử dụng trái phép chất ma túy

1. Người nào sử dụng trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 03 năm:

a) Đang trong thời hạn cai nghiện ma túy hoặc điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế theo quy định của.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 256a Bộ luật hình sự (sửa đổi bổ sung năm 2025) như Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Ninh Bình đã truy tố là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Bị cáo là người nghiện ma túy, tàng trữ ma túy nhằm mục đích sử dụng. Việc sử dụng ma túy là một trong những nguyên nhân gây ra các tệ nạn và hậu quả khôn lường cho xã hội mà Đảng và Nhà nước ra đang ra sức ngăn chặn. Do vậy cần phải bị xử lý trước pháp luật. Khi quyết định hình phạt xét thấy: Về nhân thân: không có tiền án, tiền sự. Về lịch sử bản thân đã bị kết án về các tội Vi phạm các quy định về an toàn giao thông vận tải năm 1997; Đánh bạc năm 2009, Trộm cắp tài sản năm 2016. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do vậy cần xử phạt bị cáo hình phạt tù đối với từng tội và tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cai nghiện, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội và cũng nhằm để giáo dục pháp luật và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng, không nhằm mục đích vụ lợi, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3]. Về xử lý vật chứng:

Đối với số ma túy thu giữ của bị cáo Lê Văn L được cơ quan giám định hoàn lại cùng toàn bộ vỏ bao giấy gói ban đầu là vật cầm lưu hành không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[4]. Các vấn đề khác:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh N Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nguồn gốc ma túy: Số ma túy mà Lê Văn L có được do được một người đàn ông cho và một người đàn ông khác bán, L không biết tên tuổi địa chỉ của những người này, nếu gặp lại cũng không nhận dạng được. Do vậy không đủ căn cứ để cơ quan điều tra xác minh làm rõ.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a khoản 1 Điều 256a; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm a, c khoản 1 Điều 47; Điều 55 Bộ luật hình sự (sửa đổi bổ sung năm 2025); các điểm a, c khoản 2 Điều 106, Điều 136; Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi bổ sung năm 2025); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn L phạm tội "**Tàng trữ trái phép chất ma túy**" và T1 "**Sử dụng trái phép chất ma túy**".

Xử phạt Lê Văn L 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt: Bị cáo phải chấp hành của cả hai tội là 06 (sáu) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 14/12/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy số ma túy được cơ quan giám định hoàn lại 0,3333 gam ma túy, loại Heroine (H) và toàn bộ vỏ bao gói niêm phong; 01 phong bì niêm phong ghi chữ “*Lưu kho vật chứng vụ tàng trữ trái phép chất ma túy xảy ra ngày 14/12/2025 tại thôn Đ T, xã C, tỉnh Ninh Bình*” bên trong có 01 mảnh giấy màu trắng có kẻ ô ly và vỏ phong bì niêm phong ban đầu được chuyển từ kho vật chứng của Công an tỉnh N đến Phòng thi hành án khu vực 4, tỉnh Ninh Bình

(Vật chứng có số lượng, đặc điểm theo như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/4/2026 giữa Công an tỉnh N và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4- Ninh Bình)

3. Về án phí: Bị cáo Lê Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND khu vực 4- Ninh Bình
- Công an tỉnh Ninh Bình.
- Trại tạm giam
- Phòng THADS khu vực 4- Ninh Bình
- Thi hành án HS Công an tỉnh Ninh Bình
- Bị cáo.
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy